

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **04/2022/QĐST-HNGĐ**

Như Thanh, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa:

Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị N** - Sinh năm 1985
Trú tại: khu phố 2, thị trấn Y, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh **Hồ Văn N** - Sinh năm 1983
Địa chỉ: thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nơi làm việc: Trường THCS M, huyện N

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**
Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Địa chỉ: 169 phố L, phường H, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh M - Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng C, chi nhánh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh M: ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc phòng giao dịch ngân hàng C, chi nhánh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Chị Nguyễn Thị D - Cán bộ tín dụng phòng giao dịch ngân hàng C Như Thanh, chi nhánh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 253 khu phố 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn N thống nhất có 01 con chung là Hồ Đức K, sinh ngày 27/8/2009.

Hai bên thoả thuận, chị N trực tiếp nuôi cháu Hồ Đức K; anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn N thống nhất tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn N và chị Nguyễn Thị D thống nhất: anh N, chị N vay của ngân hàng C 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng); bao gồm:

* *Món nợ thứ nhất:*

- Mã món vay: 6600000710919863.
- Số nợ gốc vay ngày 15/08/2017: 50.000.000 đồng.
- Lãi suất 9,0%/năm
- Trả lãi đến ngày 08/01/2022
- Số tiền gốc còn nợ: 50.000.000 đồng
- Số tiền lãi còn nợ: theo hợp đồng (9%/năm) tính từ ngày 09/01/2022 (chưa đến kỳ trả lãi tháng tới).

* *Món nợ thứ hai:*

- Mã món vay: 6600000713150584.
- Số nợ gốc vay ngày 06/06/2087: 12.000.000 đồng.
- Lãi suất 9,0%/năm
- Trả lãi đến ngày 08/01/2022
- Số tiền gốc còn nợ: 12.000.000 đồng
- Số tiền lãi còn nợ: theo hợp đồng (9%/năm) tính từ ngày 09/01/2022 (chưa đến kỳ trả lãi tháng tới).

Các bên thỏa thuận: Anh N chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay của ngân hàng C theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nói trên (bao gồm: 62.000.000 đồng bao gồm tiền gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 09/01/2022), chị N không phải thanh toán tiền chênh lệch trách nhiệm trả nợ cho anh N.

- Về án phí: chị N, anh N và chị D thống nhất:

Anh N chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí anh N phải chịu là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng)

Chị N chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền án phí chị N phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0003758 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị N được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THADS huyện Như Thanh;
- UBND xã X, huyện Như Thanh;

Lê Đình Huy